

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28-7-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Đăng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Đáng
2. Ông Nguyễn Hoàng Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 299/2022/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 5 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1990 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Anh Lê Thành P, sinh năm 1983 (Xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê Thành P xác lập hôn nhân, tiến hành tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương vào năm 2008, sau đó cùng đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 21/12/2012. Sau ngày cưới do hoàn cảnh khó khăn, vợ chồng đi làm Công ty tại Bình Dương, quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về chuyện chi tiêu và quản lý tiền bạc, nhiều lần tranh cãi với nhau nhưng không giải quyết thỏa đáng, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, đã ly thân từ năm 2014 đến nay, mạnh ai nấy sống, không liên lạc nhau nên tình cảm không còn. Khi sự việc xảy ra, cha mẹ hai bên đều biết, nhưng không hòa giải hàn gắn được, vợ chồng không liên lạc và

không có giải pháp đoàn tụ với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Thành P.

- *Về nuôi con tên:* Lê Thành N, sinh ngày 19/02/2009, hiện con đang sống với anh P, chị yêu cầu giải quyết cho anh P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con khi ly hôn.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Chị không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Lê Thành P là bị đơn trong vụ án vắng mặt lần thứ nhất và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Những tình tiết các bên đương sự thống nhất với nhau:

- *Về hôn nhân:* Chị L và anh P xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 21/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nay chị L và anh P đều có yêu cầu xin được ly hôn với nhau.

- *Về nuôi con tên:* Lê Thành N, sinh ngày 19/02/2009, hiện con đang sống với anh P, anh P yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con, chị L đồng ý theo yêu cầu anh P.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Chị L và anh P không tranh chấp, không khởi kiện.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ cho các đương sự nhận. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị L, xử cho chị L được ly hôn với anh P, giao con chung là Lê Thành N cho anh P được quyền nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả đương sự không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét; về án phí dân sự sơ thẩm buộc chị L nộp 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến, yêu cầu của đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy anh P là bị đơn trong vụ án, vắng mặt lần thứ nhất và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh P theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy chị L khởi kiện anh P yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh P, yêu cầu giao con chung cho anh P được

quyền nuôi dưỡng con, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- *Về hôn nhân*: Xét thấy chị L và anh P xác lập hôn nhân và cùng đăng ký kết hôn vào ngày 21/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh, từ đó xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng:

- *Chị L khai*: Quá trình chung sống dẫn đến bất hòa nhau về tình cảm, lối sống, ứng xử giao tiếp, thường xuyên mâu thuẫn cãi vã lẫn nhau, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, đã ly thân từ năm 2014 đến nay, mạnh ai nấy sống, không có liên lạc nhau nên tình cảm không còn.

- *Tại phiên tòa anh P vắng mặt. Tuy nhiên tại đơn xin xét xử vắng mặt và biên bản lấy lời khai ngày 08/6/2022, anh P khai*: Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về lối sống, ứng xử giao tiếp và vợ chồng sống không có hạnh phúc, đã ly thân từ năm 2014 đến nay không hàn gắn, đoàn tụ được với nhau nên anh đồng ý ly hôn với chị L.

Xét thấy sau khi mâu thuẫn xảy ra, chị L và anh P đều bỏ mặt, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, anh chị không còn sống chung từ năm 2014 đến nay, nhưng không tạo điều kiện gặp nhau để hàn gắn đoàn tụ gia đình dẫn đến mâu thuẫn tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng. Anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và cùng có yêu cầu được ly hôn với nhau. Từ đó, thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh P không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho chị L được ly hôn với anh P là phù hợp quy định pháp luật.

- *Về nuôi con*: Xét thấy chị L và anh P chung sống có 01 người con tên Lê Thanh Nhân, sinh ngày 19/02/2009. Trong thời gian vợ chồng ly thân, con sống với anh P và được chăm sóc, nuôi dưỡng phát triển bình thường, anh P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con khi ly hôn. Tại phiên tòa, chị L cũng đồng ý giao con chung cho anh P được trực tiếp nuôi dưỡng, Lê Thành N có nguyện vọng sống chung với anh P. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao Thành Nhân cho anh P được quyền trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng khi ly hôn là phù hợp với quy định pháp luật.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả*: Chị L và anh P không tranh chấp, không khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Xét thấy quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh đề nghị như nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc L.

- *Về hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc L được ly hôn với anh Lê Thành P.

- *Về nuôi con:* Anh Lê Thành P được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Lê Thành N, sinh ngày 19/02/2009 khi ly hôn.

Chị Nguyễn Thị Ngọc L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về án phí:* Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc L nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010847, ngày 23/5/2021 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh thu. Chị L đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị Ngọc L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Thành P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Đăng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Đáng

Nguyễn Hoàng Nam

Phạm Văn Đăng